CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

Ngày 30/09/2025	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**22.2%**	-

DT thuần
Q3/25
171
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.0| -33.5%
YoY: ▼210| -55.2%

LN thuần
Q3/25
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.60| 204%
YoY: ▼74.2| -85.3%

LN sau thuế
Q3/25
2.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.95| -42.5%
YoY: ▼58.8| -95.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
8.1%
YoY: +/-▲ 3.1%

ROE (TTM)
Q3/25
0.4%
YoY: +/-▼ 2.4%

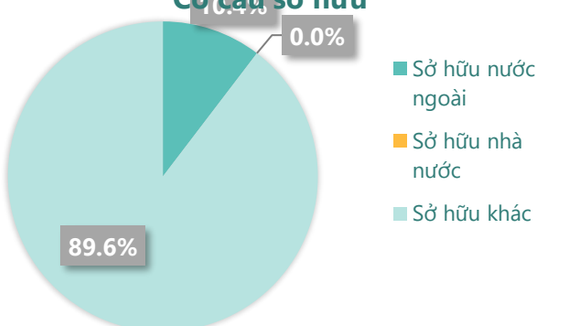
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,100 - 14,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,704
Số lượng CPLH (CP)	193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,806,820
Sở hữu nước ngoài	10.4%
Beta	1.63
EPS	55
P/E	159.2

DT thuần
9T 2025
810
tỷ VNĐ
YoY: ▼289| -26.3%

LN thuần
9T 2025
72.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼187| -72.1%

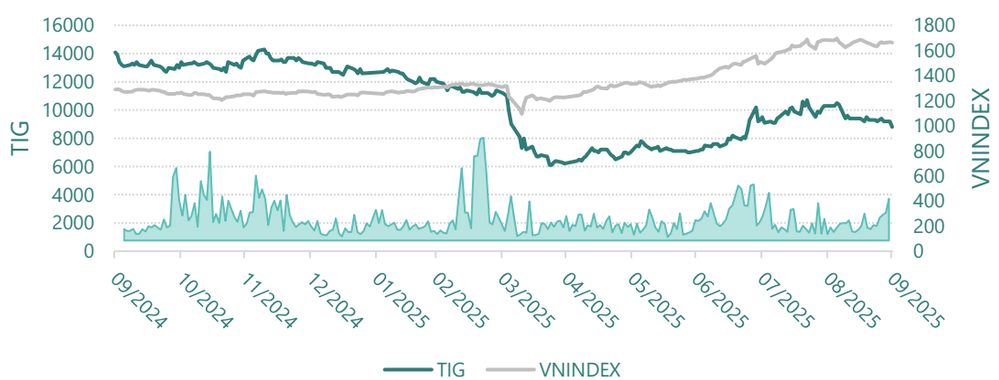
LN sau thuế
9T 2025
45.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼138| -75.2%

Cơ cấu sở hữu

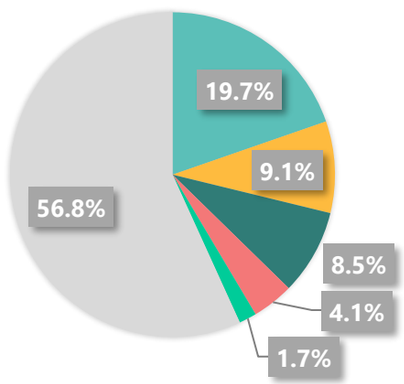


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

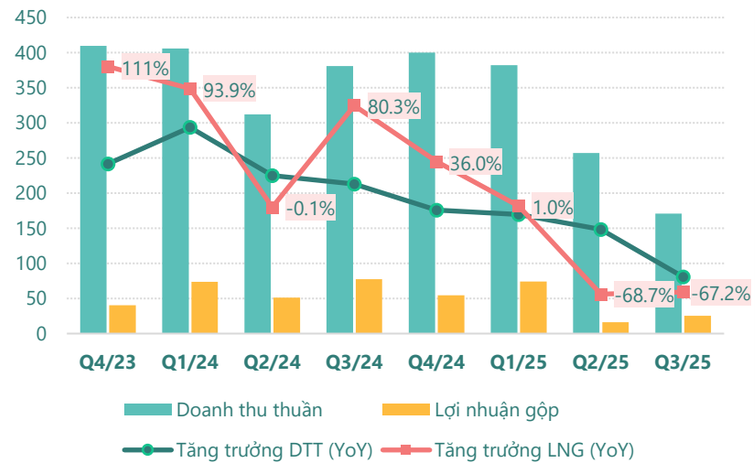


- Nguyễn Phúc Long (Chủ tịch HĐQT)
- Park Jin Ku
- Nguyễn Văn Nghĩa
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Hồ Thanh Hương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

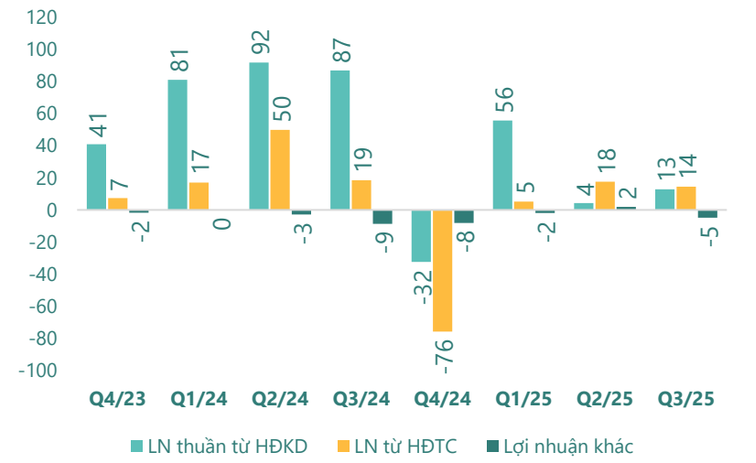
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



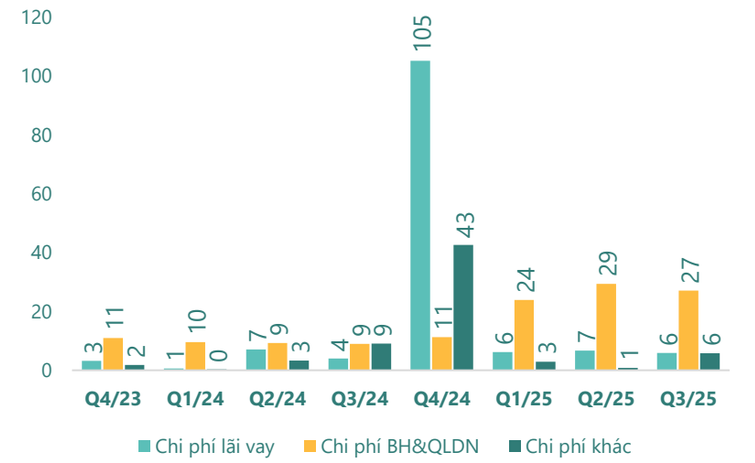
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



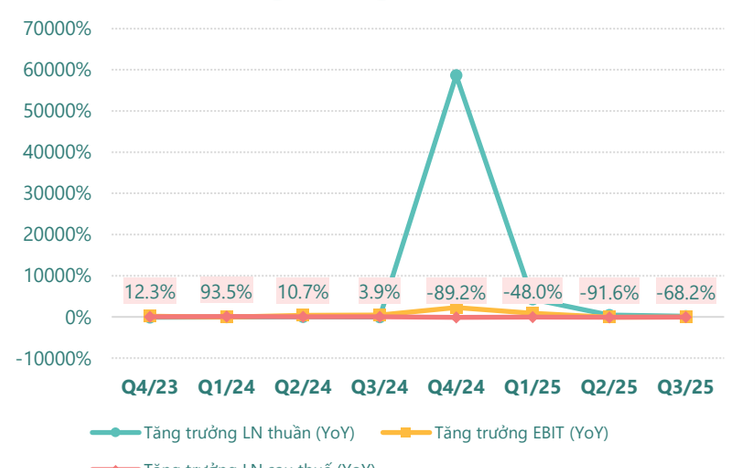
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



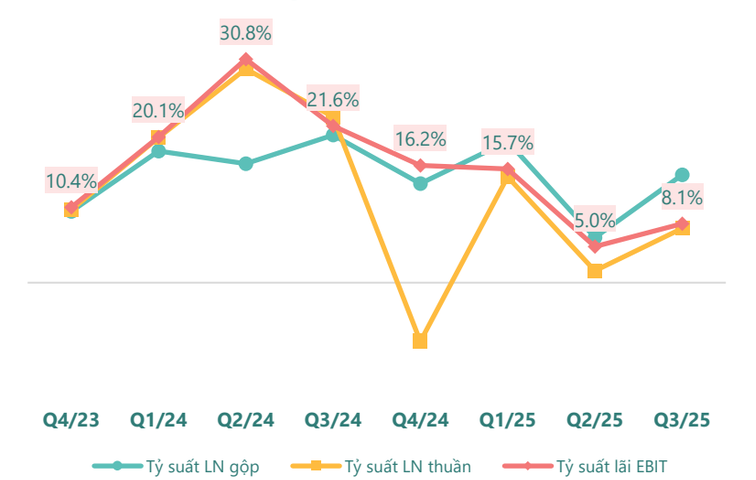
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



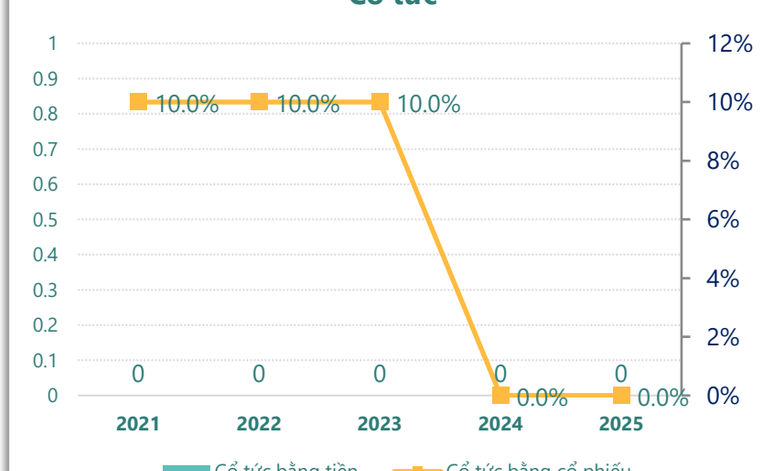
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

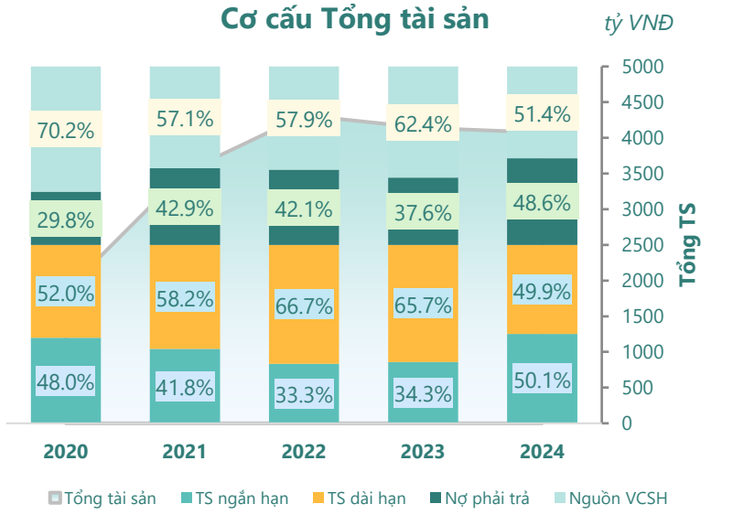
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

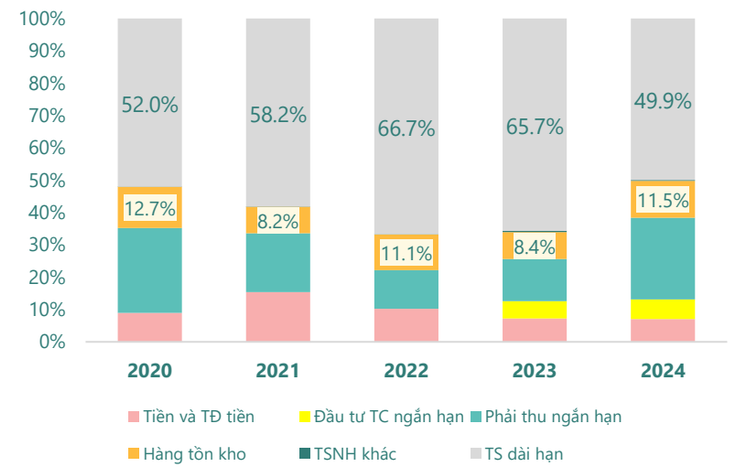
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



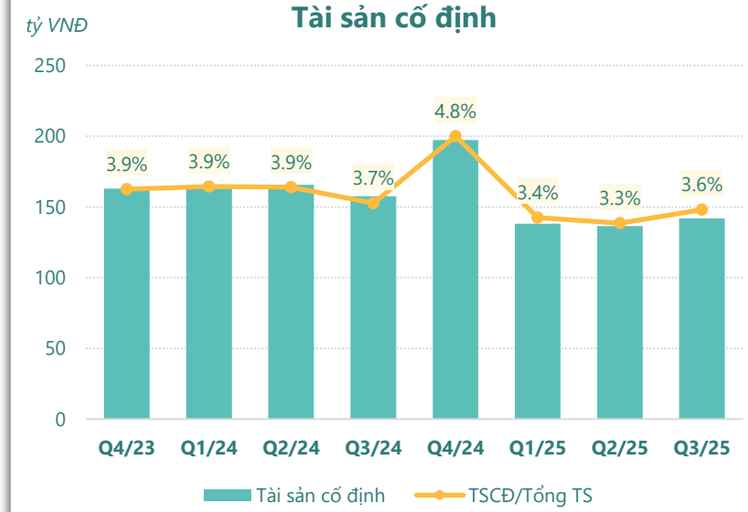
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



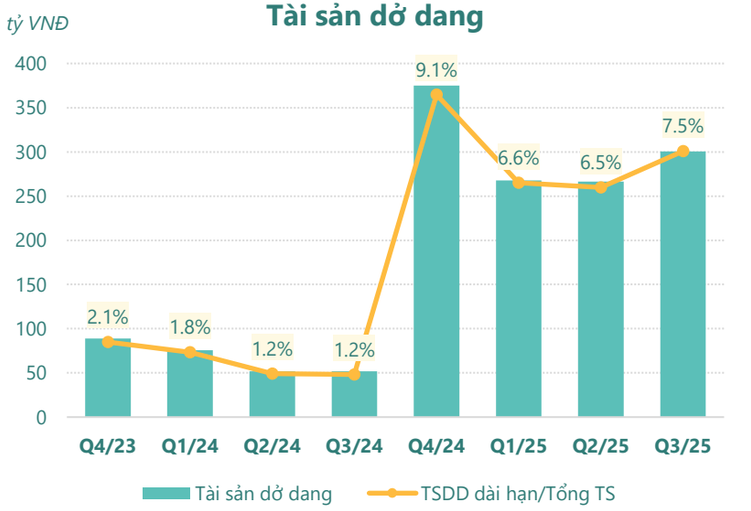
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



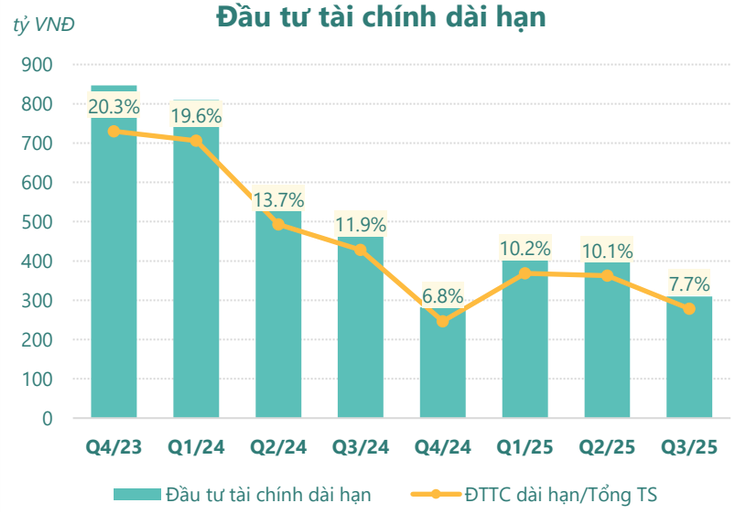
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



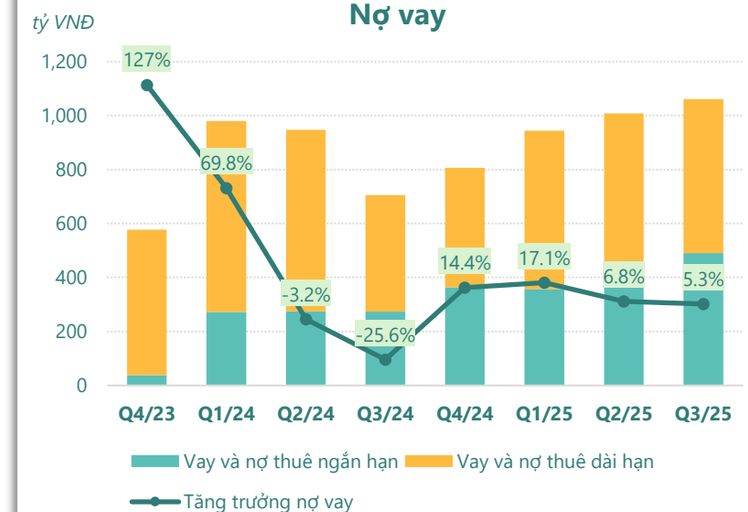
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

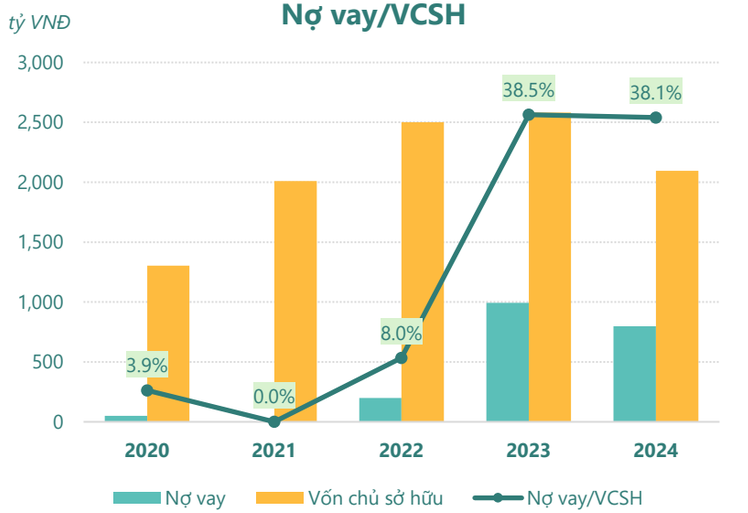
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

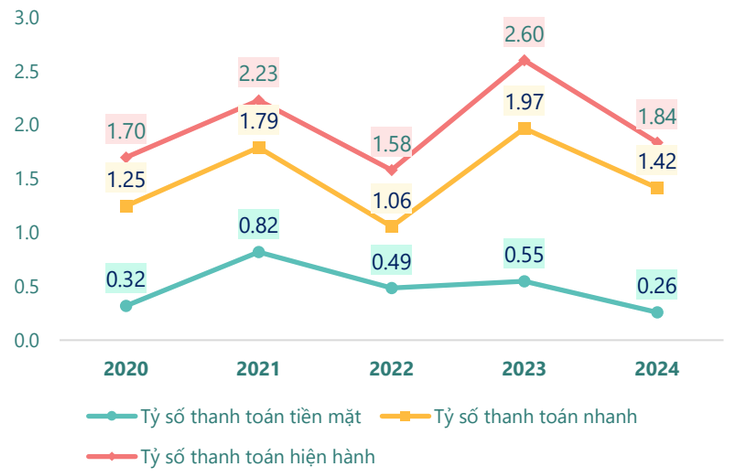
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



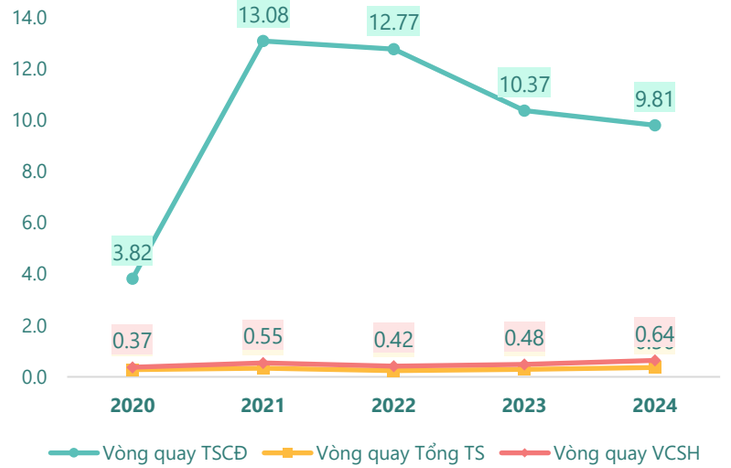
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



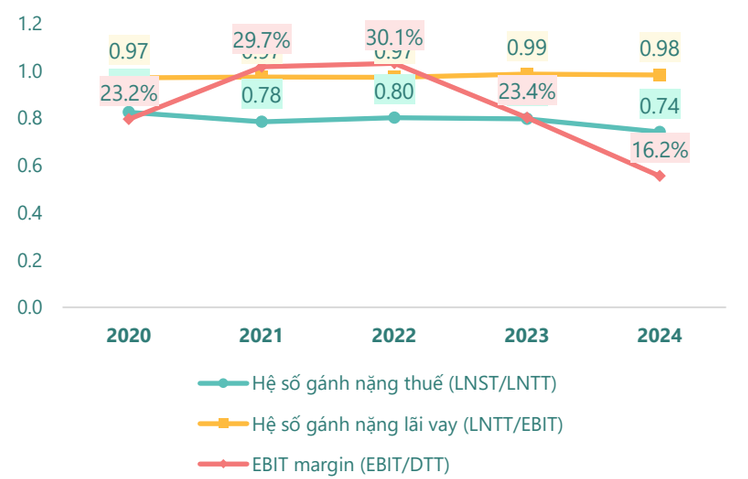
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



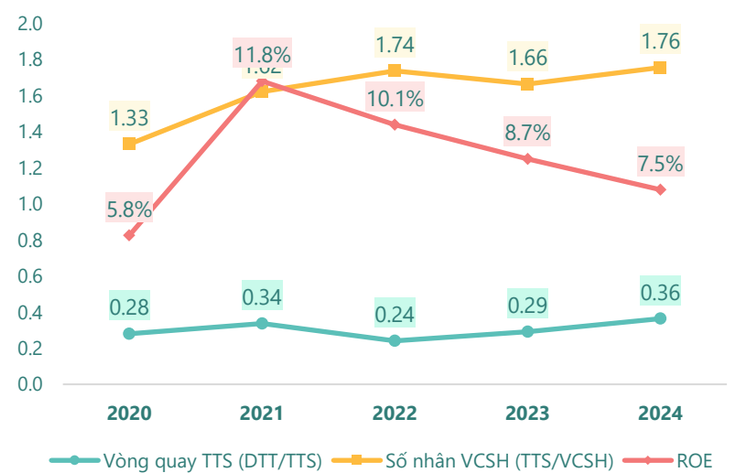
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



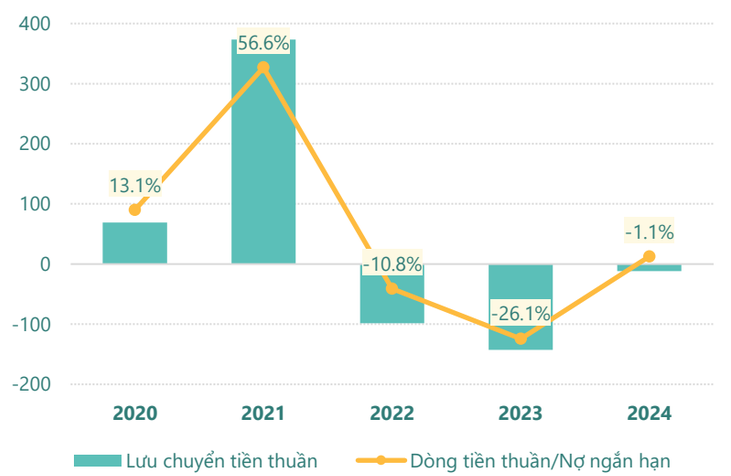
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**171**	**381**	**-55.2%**	**810**	**1,099**	**-26.3%**
Giá vốn hàng bán	145	304	-52.1%	695	897	-22.5%
Lợi nhuận gộp	25.4	77.5	-67.2%	116	202	-42.8%
Doanh thu HĐTC	21.7	22.6	-4.1%	57.5	97.4	-40.9%
Chi phí TC	7.18	4.02	78.6%	20.2	11.7	73.2%
Chi phí lãi vay	5.85	4.02	45.4%	18.7	11.7	60.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.08**	**100%**	**0.00**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.75	2.01	86.5%	4.14	9.11	-54.6%
Chi phí QLDN	**23.3**	**6.94**	**236%**	**76.2**	**18.7**	**307%**
LN thuần từ HĐKD	12.8	87.0	-85.3%	72.7	260	-72.1%
Lợi nhuận khác	**-4.77**	**-8.67**	**45.0%**	**-4.81**	**-11.8**	**59.3%**
LN trước thuế	8.02	78.3	-89.8%	67.9	248	-72.7%
Lợi nhuận sau thuế	**2.63**	**61.4**	**-95.7%**	**45.4**	**183**	**-75.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.50**	**60.5**	**-94.2%**	**46.9**	**179**	**-73.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-244	-178	944	-399	399	-325
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	318	-6.02	-884	92.1	-460	213
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.5	48.4	54.7	156	122	-61.8
Tiền đầu kỳ	253	309	173	287	136	197
Lưu chuyển tiền thuần	**55.7**	**-136**	**115**	**-151**	**61.1**	**-173**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.58	-0.58
Tiền cuối kỳ	309	173	288	136	197	23.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,995**	**4,073**	**-1.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,058	2,040	0.9%
Tiền và tương đương tiền	23.9	287	-91.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	558	248	125%
Phải thu ngắn hạn	1,021	1,027	-0.6%
Hàng tồn kho	440	467	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	15.1	10.4	46.0%
Tài sản dài hạn	**1,937**	**2,034**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	496	477	3.9%
Tài sản cố định	142	141	0.6%
Bất động sản đầu tư	78.3	78.3	0.0%
Tài sản dở dang	301	273	10.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	309	413	-25.2%
Tài sản dài hạn khác	**24.9**	**28.7**	**-13.2%**
Lợi thế thương mại	586	623	-5.8%
Nợ phải trả	1,850	1,979	-6.5%
Nợ ngắn hạn	**898**	**1,111**	**-19.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	491	364	34.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	116	102	14.6%
Nợ dài hạn	951	868	9.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	571	434	31.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,146**	**2,095**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,146**	**2,095**	**2.4%**
Vốn điều lệ	1,936	1,936	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)